

Số: 36/BC-THCVAA

Thụy Khuê, ngày 24 tháng 7 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2024**

(Kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Chu Văn An A

2. Địa chỉ: số 130 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Số điện thoại: 0962823499

Email: clchuvanana@gmail.com

Website: <http://thchuvanana.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

- Loại trường: Trường phổ thông.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng trường học hạnh phúc, môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, với chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện.

Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng mọi điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới. Nhà trường có môi trường giáo dục đáng tin cậy, chất lượng; Giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên. Phấn đấu giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2.

Mục tiêu chung:

Mục tiêu ngắn hạn: Hoàn thành tốt Kế hoạch năm học hàng năm.

- Đổi mới quản lý giáo dục, nhận thức và thực hiện đúng đắn vai trò quản lý và lãnh đạo.

- Đổi mới phương pháp dạy của thầy và phương pháp học của trò. Hướng dẫn giáo dục kỹ năng sống và phương pháp tự học cho học sinh.

- Giáo dục học sinh toàn diện theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông.

- Tìm kiếm, khơi gợi và phát huy tích cực công tác xã hội hóa giáo dục. Mua sắm CSVC và trang thiết bị để phục vụ cho việc dạy và học.

Mục tiêu trung hạn: Thực hiện Kế hoạch xây dựng Trường học top đầu cấp quận về chất lượng giáo dục và các mặt hoạt động.

Mục tiêu dài hạn: Tập trung việc thực hiện công tác giảng dạy, giáo dục mang tính tích cực, hiệu quả phù hợp với mục tiêu giáo dục toàn diện một cách bền vững - Xây dựng đơn vị đạt chuẩn chất lượng giáo dục một cách ổn định. Xây dựng trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1. Đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Chu Văn An A là trường Tiểu học trong hệ thống giáo dục công lập, thuộc địa bàn phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Trường Tiểu học Chu Văn An A được thành lập theo Quyết định số 2220/QĐ-UBND của UBND quận Tây Hồ ngày 11/11/2020 trên cơ sở chia tách từ trường Tiểu học Chu Văn An. Trường chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2022. Trường Tiểu học Chu Văn An A có tư cách pháp nhân, có con dấu và giao dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1 vào tháng 6/2024. Nhiều năm nhà trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến, Lao động Xuất sắc cấp Thành phố và nhận được Bằng khen của Bộ giáo dục và Đào tạo.

6. Thông tin người đại diện hợp pháp:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huệ
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 130 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 0982808899
- Email: huenguyen1971@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập

Trường Tiểu học Chu Văn An A được thành lập theo Quyết định số 2220/QĐ-UBND của UBND quận Tây Hồ ngày 11/11/2020 trên cơ sở chia tách từ trường Tiểu học Chu Văn An.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Quyết định (QĐ) số 614/QĐ-UBND ngày 20/03/2023 của UBND quận Tây Hồ về việc thành lập Hội đồng trường Trường TH Chu Văn An A nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Danh sách Hội đồng trường Tiểu học Chu Văn An A

STT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Huệ	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	CT hội đồng	
2	Phạm Hoàng Phương	Phó Bí thư Chi bộ, Hiệu phó	Phó CT hội đồng	
3	Phạm Bạch Lan	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên	

4	Nguyễn Thị Thùy Dương	Bí thư Chi đoàn	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Khánh	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Thu Hương	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
7	Ngô Thị Lan	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
8	Phạm Thị Hải Hà	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Kim Phượng	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
10	Lê Bích Thủy	Tổ trưởng Văn phòng	Thành viên	
11	Trương Thị Ngọc	Phó chủ tịch UBND phường Thủy Khuê	Thành viên	
12	Dương Hồng Loan	Đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định số 862/QĐ-CTUBND ngày 02/04/2021 của Chủ tịch UBND quận Tây Hồ Về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Chu Văn An, quận Tây Hồ.

Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Chủ tịch UBND quận Tây Hồ về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Chu Văn An A, quận Tây Hồ.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Chu Văn An A

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ

đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Chu Văn An A là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống giáo dục quốc dân, cung cấp dịch vụ giáo dục công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GDĐT quận Tây Hồ.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường Tiểu học Chu Văn An A thực hiện theo Điều 3 Điều lệ Trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Trường tiểu học bao gồm như sau:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn.

Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường.

- Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục.

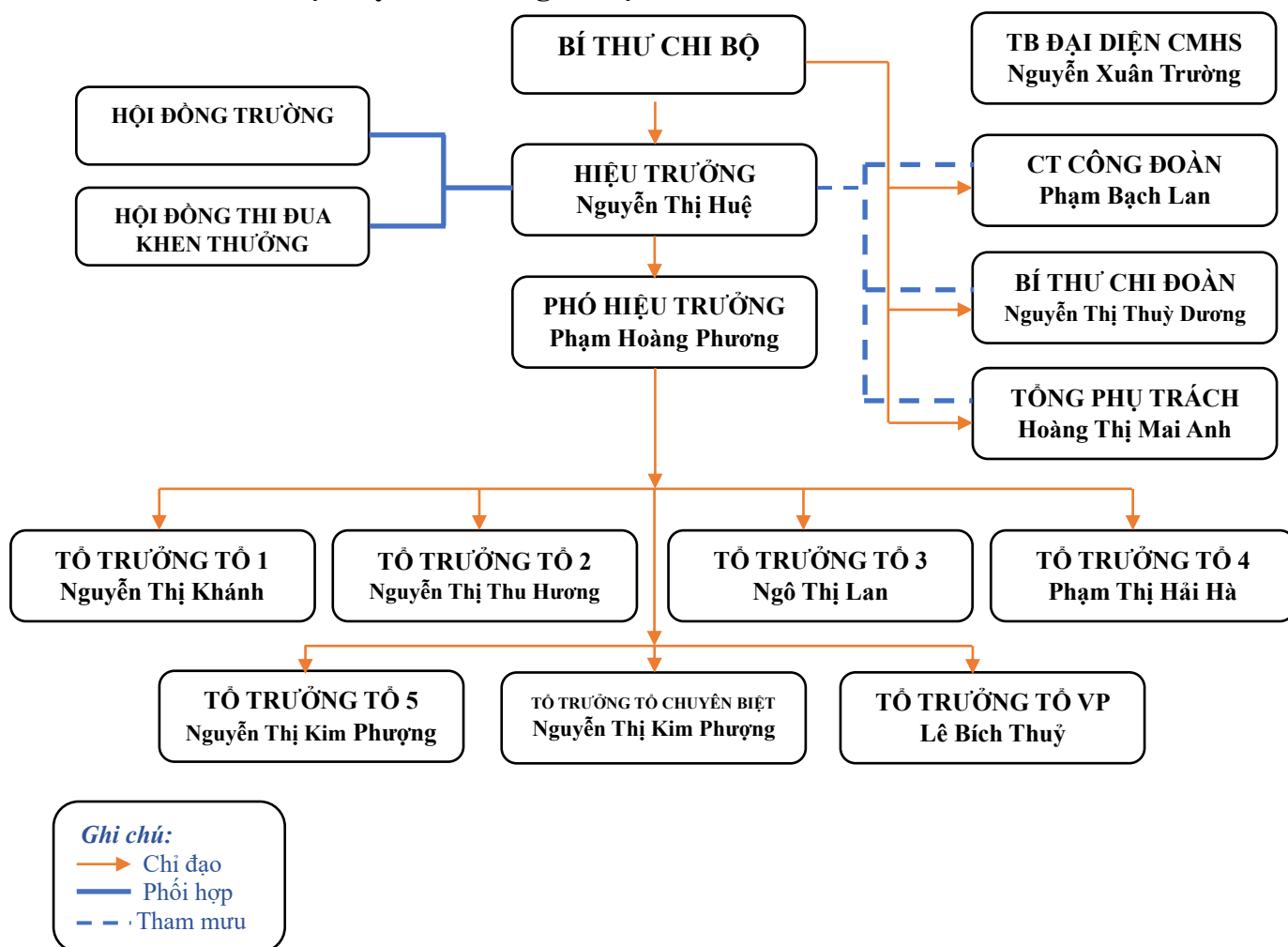
- Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị, trực thuộc, thành viên (nếu có)

Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND quận Tây Hồ về việc thành lập trường Tiểu học Chu Văn An A, quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

- **Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:** Kế hoạch số 01/KH-THCVAA ngày 28/8/2022 của trường Tiểu học Chu Văn An A về chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- **Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:** Theo QĐ ban hành QC dân chủ số 45/QĐ-THCVAA ngày 04/8/2023 của Hiệu trưởng trường TH Chu Văn An A, áp dụng từ năm học 2023- 2024.

- **Các nghị quyết của hội đồng trường:** Có ít nhất 3 lần họp/năm.

- **Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:** QĐ về việc phân công nhiệm vụ CBQL, GV, NV. Quy chế làm việc

- **Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:** QC thi đua, khen thưởng, Quy chế HĐ sáng kiến. QC chi tiêu nội bộ.

- **Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác:** Kế hoạch và thông báo tuyển sinh lớp 1.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			Th.S	ĐH	CĐ	TC	IV	III	II	T	K	Đ	CĐ
	Tổng số GV, CBQL và NV	38											
1	Cán bộ QL	02	01	01					02	02			
2	Giáo viên												
	GVCB	23	01	22			02	12	07	06	11	05	
	GV Thể dục	01			01			01				01	
	GV Tiếng Anh	01		01				01			01		
	GV Âm nhạc	01		01								01	
	GV Mỹ thuật	01		01				01			01		
	GV Tin học	01		01			01				01		
	TPT	01		01				01				01	
3	Nhân viên	07		05		02							

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT quận Tây Hồ đánh giá: Tốt

- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 29 (trong đó Tốt: 6/29 = 21,6%; Khá 14/29 = 48,2%; Đạt: 8/29 = 27,5%.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 30/30 đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a. Trường Tiểu học Chu Văn An A được cải tạo, sửa chữa trên nền diện tích cũ trường Tiểu học Chu Văn An là 1513 m². Tổng diện tích sàn xây dựng và diện tích sân chơi là 7760,2m² so với tổng số học sinh năm học 2023 - 2024 (963 học sinh) đạt 8,05m²

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; Khối phòng học tập; Khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Số liệu	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	34	
<i>1</i>	<i>Phòng học</i>	<i>22</i>	
a	Phòng kiên cố	22	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
<i>2</i>	<i>Phòng học bộ môn</i>	<i>07</i>	
a	Phòng kiên cố	07	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
<i>3</i>	<i>Khối phục vụ học tập</i>	<i>05</i>	
a	Phòng kiên cố	05	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	05	
1	Phòng kiên cố	05	
2	Phòng bán kiên cố	0	
3	Phòng tạm	0	
III	Thư viện	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	12	
1	Khối phụ trợ	11	
2	Khối phục vụ sinh hoạt	1	
	Cộng	52	

c. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

*** Khối 1:**

TT	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN	Ghi chú
1	Tiếng Việt 1, tập một	Cánh diều	
2	Tiếng Việt 1, tập hai	Cánh diều	
3	Toán 1, tập một	Cùng học và phát triển năng lực	
4	Toán 1, tập hai	Cùng học và phát triển năng lực	
5	Đạo đức 1	Cùng học và phát triển năng lực	
6	TNXH 1	Cùng học và phát triển năng lực	
7	HĐ trải nghiệm 1	Cùng học và phát triển năng lực	
8	Âm nhạc 1	Vì sự bình đẳng và dân chủ	
9	Mĩ thuật 1	Vì sự bình đẳng và dân chủ	
11	Vở bài tập Toán 1, tập một	Cùng học và phát triển năng lực	
12	Vở bài tập Toán 1, tập hai	Cùng học và phát triển năng lực	
13	Vở bài tập TV 1, tập một	Cánh diều	
14	Vở bài tập TV 1, tập hai	Cánh diều	
16	Tiếng Anh 1 – Explore Our World - Sách học sinh	Cánh diều	
17	Tiếng Anh 1 – Explore Our World - Sách bài tập (phiên bản mở rộng)	Cánh diều	

*** Khối 2:**

TT	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN	Ghi chú
1	Tiếng Việt 2, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Tiếng Việt 2, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống	
3	Toán 2, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống	
4	Toán 2, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Đạo đức 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	
6	Tự nhiên và Xã hội 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	

7	Giáo dục thể chất 2	Cánh diều	
8	Mĩ thuật 2	Chân trời sáng tạo	
10	Âm nhạc 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	
11	Hoạt động trải nghiệm 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	
12	Vở bài tập Toán 2, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống	
13	Vở bài tập Toán 2, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống	
14	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống	
15	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống	
16	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	
17	Tập viết 2/1	Kết nối tri thức với cuộc sống	
18	Tập viết 2/2	Kết nối tri thức với cuộc sống	
19	Tiếng Anh 2 - Explore Our World - Sách học sinh	Cánh diều	
20	Tiếng Anh 2 – Explore Our World - Sách bài tập (phiên bản mở rộng)	Cánh diều	

*** Khối 3:**

TT	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN	Ghi chú
1	Tiếng Việt 3, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Tiếng Việt 3, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống	
3	Toán 3, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống	
4	Toán 3, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Đạo đức 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	
6	Tự nhiên và Xã hội 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Giáo dục thể chất 3	Cánh diều	
8	Mĩ thuật 3	Chân trời sáng tạo (Nguyễn Thị Nhung)	
10	Âm nhạc 3	Chân trời sáng tạo	
11	Hoạt động trải nghiệm 3	Chân trời sáng tạo	

12	Tin học 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	
13	Công nghệ 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	
14	Vở bài tập Toán 3, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống	
15	Vở bài tập Toán 3, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống	
16	Vở bài tập Tiếng việt 3, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống	
17	Vở bài tập Tiếng việt 3, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống	
18	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	
19	Tập viết 3/1	Kết nối tri thức với cuộc sống	
20	Tập viết 3/2	Kết nối tri thức với cuộc sống	
21	Tiếng Anh 3 – Wonderful World - Sách học sinh	Cánh diều	
22	Tiếng Anh 3 – Wonderful World - Sách bài tập	Cánh diều	

*** Khối 4:**

TT	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN	Ghi chú
1	Tiếng Việt 4/1	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Tiếng Việt 4/2	Kết nối tri thức với cuộc sống	
3	Toán 4/1	Kết nối tri thức với cuộc sống	
4	Toán 4/2	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Vở bài tập Toán 4/1	Kết nối tri thức với cuộc sống	
6	Vở bài tập Toán 4/2	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Khoa học 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	
8	Lịch sử và địa lí 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	
9	Âm nhạc 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	Đạo đức 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	
11	Công nghệ 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	
12	Mỹ thuật 4	(Chân trời sáng tạo) bản 1; Nguyễn Thị Nhung	
13	Hoạt động trải nghiệm 4 (Chân trời sáng tạo) Bản 1		
14	Hướng dẫn học Tin học lớp 4-SHS	(Robot thông minh - NXB ĐH Vinh-Lê Khắc Thành)	
15	Giáo dục an toàn giao thông lớp 4		

16	Tiếng Anh 4 tập 1-SHS (kèm đĩa đĩa Audio, thẻ)		
17	Tiếng Anh 4 tập 2-SHS (kèm đĩa đĩa Audio, thẻ)		
18	Tiếng Anh 4-Sách bài tập		

*** Khối 5:**

TT	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN	GHI CHÚ
1	Tiếng Việt 5/1	NXB GIÁO DỤC VN	
2	Tiếng Việt 5/2	NXB GIÁO DỤC VN	
3	Toán 5	NXB GIÁO DỤC VN	
4	Khoa học 5	NXB GIÁO DỤC VN	
5	Lịch sử và Địa lí 5	NXB GIÁO DỤC VN	
6	Âm nhạc 5	NXB GIÁO DỤC VN	
7	Mĩ Thuật 5	NXB GIÁO DỤC VN	
9	Đạo đức 5	NXB GIÁO DỤC VN	
10	Kĩ thuật 5	NXB GIÁO DỤC VN	
11	Vở bài tập Toán 5/1	NXB GIÁO DỤC VN	
12	Vở bài tập Toán 5/2	NXB GIÁO DỤC VN	
13	Vở bài tập Khoa học 5	NXB GIÁO DỤC VN	
14	Vở bài tập Lịch sử 5	NXB GIÁO DỤC VN	
15	Bài tập Toán 5	NXB GIÁO DỤC VN	
16	Vở bài tập Địa lí 5	NXB GIÁO DỤC VN	
17	Tài liệu chuyên đề Giáo dục nếp sống văn minh thanh lịch Lớp 5	NXB GIÁO DỤC VN	
18	Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống cho học sinh Lớp 5	NXB GIÁO DỤC VN	
19	Hướng dẫn học Tin học lớp 5-SHS	NXB GIÁO DỤC VN	
20	Hướng dẫn học Tin học lớp 5-SBT	NXB GIÁO DỤC VN	
21	Giáo dục an toàn giao thông lớp 5	NXB GIÁO DỤC VN	
22	Tiếng Anh 5 tập 1-SHS (kèm đĩa đĩa Audio, thẻ)	NXB GIÁO DỤC VN	
23	Tiếng Anh 5 tập 2-SHS (kèm đĩa đĩa Audio, thẻ)	NXB GIÁO DỤC VN	
24	Tiếng Anh 5-Sách bài tập	NXB GIÁO DỤC VN	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	0
Tiêu chí 2.3		X	X	0
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	0
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	-
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X

Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

• **Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau tự đánh giá**

* **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

- **Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
<p>- Tiếp tục thực hiện rà soát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.</p> <p>- Tiếp tục công khai Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường trên các phương tiện thông tin, truyền thông của địa phương.</p>	<p>Định kỳ: giữa học kỳ I, cuối học kỳ I và cuối các năm học</p>	<p>BGH</p>	<p>- Điều chỉnh, bổ sung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường kịp thời trong năm học.</p> <p>- Kịp thời cập nhật những hình ảnh, minh chứng nội dung phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường trên các phương tiện thông tin, truyền thông của địa phương.</p> <p>- Tăng cường thêm các giải pháp giám sát.</p>

- Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
<p>Phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được.</p>	<p>Tháng 5/2024</p>	<p>BGH</p>	<p>- Xây dựng kế hoạch, phân công cụ thể theo từng tháng, đảm bảo rõ người, kín việc.</p>
		<p>Chi bộ</p>	<p>- Chi bộ Đảng nhà trường tiếp tục thực hiện tốt vai trò lãnh đạo chính quyền, đoàn thể thực hiện mục tiêu, phương hướng chiến lược phát triển, nâng cao chất lượng các kỳ sinh hoạt Chi bộ, quan tâm rà soát đánh giá hoạt động của đoàn thể.</p>
		<p>Các tổ chức đoàn thể</p>	<p>- Các tổ chức đoàn thể khác tiếp tục phấn đấu, đổi mới, sáng tạo, đóng góp tích cực, hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.</p>
<p>Xây dựng, triển khai các hoạt động dành cho đoàn viên Chi đoàn.</p>	<p>Năm học 2023 - 2024</p>	<p>BGH, Bí thư Chi đoàn, các đoàn viên.</p>	<p>- Có sơ kết, đánh giá, khen thưởng, động viên kịp thời.</p> <p>- Xin tư vấn từ Ban chấp hành Đoàn phường, Chi bộ, Ban Liên tịch nhà trường.</p> <p>- Xây dựng kế hoạch, bàn bạc, lấy ý kiến của đoàn viên trong chi đoàn. Ban chấp hành Chi đoàn lựa chọn ý tưởng, xây dựng kế hoạch hoạt động.</p> <p>- Chuẩn bị các điều kiện, cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết cho hoạt động.</p> <p>- Rút kinh nghiệm sau triển khai thực hiện.</p>

- Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người chủ trì thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
Phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được.	Tháng 5/2024	BGH, tổ chuyên môn và các thành viên trong tổ	Các tổ chuyên môn phát huy tốt vai trò, nhiệm vụ trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch. Tổ văn phòng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, quản lý tốt tài sản, tài chính nhà trường, lưu giữ đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định.
Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên trẻ.	Năm học 2023-2024	BGH, tổ chuyên môn và các thành viên trong tổ.	- Tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng nội dung sinh hoạt tổ, đi sâu các chuyên đề một cách cụ thể.
Bồi dưỡng GV trẻ	Năm học 2023-2024	BGH, tổ chuyên môn và các thành viên trong tổ	Phân công giáo viên có kinh nghiệm giúp đỡ giáo viên trẻ, giáo viên mới chuyển khối. BGH phát huy vai trò trong công tác chỉ đạo, nhất là trong chỉ đạo công tác chuyên môn; Khuyến khích các đồng chí GV trẻ tích cực tự học.

- Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính, tài sản

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
<ul style="list-style-type: none">- Tiếp tục sử dụng nguồn tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả.- Rà soát, bổ sung kế hoạch từng năm phù hợp với các văn bản chỉ đạo của các cấp.	Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo.	Hiệu trưởng, Kế toán	<ul style="list-style-type: none">- Hiệu trưởng chỉ đạo Ban xây dựng quy chế bảo quản, sử dụng tài sản công.- Đưa vào tiêu chí thi đua, bình xét khen thưởng các tổ, nhóm, lớp thực hiện tốt công tác sử dụng, bảo quản, tiết kiệm hiệu quả tài sản công.
Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn sát với thực tế.	Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo.	Hiệu trưởng, Kế toán	<ul style="list-style-type: none">- Nghiên cứu các thông tư, văn bản mới về công tác tài chính.- Phối hợp với địa phương làm tốt công tác PCGD để nắm bắt số lượng học sinh sinh sống trên địa bàn để làm căn cứ thu chi.- Đồng chí Kế toán nghiên cứu Hướng dẫn đặt hàng dịch vụ giáo dục để xây dựng dự toán thu chi cho phù hợp sát với thực tế.

- Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến chất lượng
<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì và phát huy những điểm mạnh đã đạt được trong công tác quản lý CBQL, GV, NV trong nhà trường. 	<p align="center">Tháng 5/2024 và các năm tiếp theo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu trưởng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu kỹ và triển khai thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo về công tác quản lý CBQL, GV, NV và công tác đào tạo bồi dưỡng.
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên 		<ul style="list-style-type: none"> - BGH 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các lớp tập huấn về chương trình SGK, phương pháp dạy học để CBQL, GV, NV cập nhật thông tin. - Đưa vào tiêu chí thi đua để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối năm.
<ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với nhân viên 		<ul style="list-style-type: none"> - BGH - Nhân viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Động viên, khích lệ nhân viên tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. - Kiến nghị với Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ cho nhân viên tham dự. - Đưa vào tiêu chí thi đua để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối năm.
<p>Bồi dưỡng, cập nhật các kỹ năng CNTT cho một số nhân viên, giáo viên có tuổi</p>		<ul style="list-style-type: none"> - BGH - Giáo viên - Nhân viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Động viên, khích lệ giáo viên, nhân viên có tuổi tích cực tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng CNTT - Đưa vào tiêu chí thi đua để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối năm.

- Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người chủ trì thực hiện	Điều kiện đảm bảo
Phát huy các giải pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đạt hiệu quả trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục.	Hằng ngày, tuần, tháng trong các năm học	BGH, GV	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của các cấp, của nhà trường tới GV. - Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ; quan tâm đến việc kiểm tra khắc phục hạn chế. - Nêu cao vai trò của người đứng đầu các tổ chức trong nhà trường.
Đổi mới việc tổ chức các hoạt động trong tiết sinh hoạt dưới cờ.	Từng tuần trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	BGH, GV, TPT	<ul style="list-style-type: none"> - Giao cho đồng chí TPT phân công lịch trực tuần cụ thể cho các lớp bắt đầu từ các lớp khối 5. - TTCM các khối gửi nội dung cần tổ chức cho đồng chí TPT tổng hợp và xây dựng KH tổ chức cùng với GV chủ nhiệm. - GV trực tuần tập luyện HS, đồng chí TPT tổng duyệt và tổ chức trong ngày thứ hai đầu tuần.

*** Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

- Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến chất lượng
- Duy trì và phát huy những điểm mạnh đã đạt được về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, về công tác quản trị trường học và xây dựng môi trường giáo dục, phát triển mối quan hệ giữa Gia đình- Nhà trường- Xã hội.	Năm học 2023 - 2024 và các năm tiếp theo.	- BGH	- Tiếp tục nghiên cứu các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học của ngành để trau dồi tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường. Nắm bắt nhu cầu, sở thích và mức độ sẵn sàng làm việc, học tập của từng đối tượng giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Đẩy mạnh công tác tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh.		- BGH	- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, chú trọng tự học và rèn kỹ năng giao tiếp tiếng Anh.
Đẩy mạnh công tác quản lý		BGH	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực quản lý, công nghệ thông tin, sử dụng công cụ Chat GPT, trí tuệ nhân tạo AI để việc quản lý phù hợp với thực tiễn nhà trường.

- Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến
<p>- Tiếp tục Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục</p> <p>- Bồi dưỡng ứng dụng CNTT, khai thác và sử dụng thiết bị CNTT trong dạy học, giáo dục đảm bảo các tiêu chuẩn quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên.</p>	<p>Tháng 5/2024 và những năm tiếp theo.</p>	<p>- Hiệu trưởng</p> <p>- BGH, Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán.</p>	<p>- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, chú trọng các chuyên đề về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục; Chuyên đề ứng dụng CNTT, khai thác và sử dụng thiết bị CNTT trong dạy học, giáo dục.</p> <p>- Mời giảng viên trường Đại học sư phạm, Viện khoa học, Vụ GDTH về trường giảng dạy hoặc dạy trực tuyến cho đội ngũ giáo viên.</p> <p>- Tăng cường các hoạt động dự giờ, tổ chức chuyên đề dạy học theo hướng đổi mới để nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên.</p> <p>- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp học và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức cao hơn.</p>

- Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện
Phát huy những mặt mạnh nhà trường đã đạt.	Năm học 2023-2024	Ban giám hiệu	Tiếp tục duy trì số lượng, chất lượng và đội ngũ nhân viên; duy trì hiệu quả công việc, đảm bảo các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên.
Nhân viên thư viện tham gia bồi dưỡng tập huấn.	Tháng 7 năm 2024	BGH Nhân viên thư viện	Tạo điều kiện cho nhân viên thư viện học tập để nâng cao chuyên môn.

- Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến
- Duy trì và phát huy những điểm mạnh đã đạt được đối với học sinh trong nhà trường.	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.	- Hiệu trưởng	- Tuyên truyền, giáo dục học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ của học sinh quy định tại Điều lệ Trường Tiểu học.
- Nâng cao chất lượng, phong trào TDTT, văn nghệ đối với học sinh.		- Hiệu trưởng - TTCM - GV phụ trách	- Tổ chức tốt các CLB, các sân chơi, các cuộc thi về TDTT và văn nghệ thu hút HS tham gia.

*** Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

- Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến
- Duy trì và phát huy những điểm mạnh đã đạt được để khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn cho CB, GV, NV, học sinh trong nhà trường.	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo	- Chủ tịch Công đoàn - Bí thư Chi đoàn - TPT Đội	- Nâng cao ý thức giữ vệ sinh chung; tiếp tục duy trì vệ sinh, chăm sóc hệ thống cây xanh. - Đề xuất với các tổ chức ngoài nhà trường, với CMHS các lớp để ủng hộ, kiện toàn trang trí trường lớp thêm xanh - sạch - đẹp.
Bổ sung thêm đồ chơi, thiết bị vận động học sinh tại khu sân sau trong khuôn viên nhà trường.	Tháng 7/2024 và những năm tiếp theo	GV môn Giáo dục thể chất, BGH, nhân viên Kế toán, nhân viên thiết bị.	- Lập dự trù tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo quận đầu tư các thiết bị vận động, đồ chơi cho sân chơi, sân tập.

- Tiêu chí 3.2: Phòng học

Nội dung cần cải tiến chất lượng	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến
- Duy trì và phát huy những điểm mạnh đã đạt được để đảm bảo các điều kiện tối thiểu về phòng học.	Năm học 2023-2024 và những năm học sau	- Trưởng Ban phụ trách CSVC và các thành viên.	- Duy trì, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất đảm bảo các điều kiện tối thiểu về phòng học và bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ các hoạt động dạy và học. - Lập kế hoạch, kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất, dự trù kinh phí và sửa chữa kịp thời khi có CSVC hư hỏng và bổ sung mới khi cần thiết.

Nội dung cần cải tiến chất lượng	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến
- Đầu tư, nâng cấp cấu hình một số máy tính phòng Tin học.	Tháng 8/2024	GV môn Tin học, BGH, nhân viên Kế toán, nhân viên thiết bị.	Rà soát số lượng máy tính có cấu hình thấp - Lập kế hoạch bổ sung theo lộ trình thay mới từng năm. - Tham mưu với hiệu trưởng đề xuất các cấp lãnh đạo bổ sung máy tính có cấu hình cao cho HS.

*** Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

- Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến chất lượng
- Duy trì và phát huy những điểm mạnh đã đạt được trong công tác phối hợp giữa Ban đại diện CMHS với nhà trường.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	- BGH - CMHS	- Nhà trường tiếp tục tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn trường ban PH lớp thực hiện đúng các nội dung theo quy định Điều lệ Ban đại diện CMHS. - Nhà trường tuyên truyền, hướng dẫn trường ban CMHS trường cách triển khai công việc hiệu quả tạo sự đồng thuận của các PH trong lớp.
- Kien toan cong tac to chuc Ban dai dien CMHS lop vao dau nam hoc.		- GVCN - CMHS	- Giáo viên chủ nhiệm tư vấn với phụ huynh lựa chọn, giới thiệu PH là công chức, viên chức có thời gian ứng cử, tiến cử vào Ban đại diện CMHS lớp.

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến chất lượng
- Hỗ trợ Ban đại diện CMHS trường kết nối với các đoàn thể, tổ chức xã hội của phường Thụy Khuê.		- BGH - Ban đại diện CMHS trường.	- Nhà trường giới thiệu các hoạt động kết hợp giữa nhà trường và các đoàn thể, mời CMHS tham gia. - Khai thác thế mạnh của các PH trong các hoạt động hỗ trợ CSVC, truyền thông, quản lý của trường.

- Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến chất lượng
- Phát huy điểm mạnh trong quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	Tháng 9/2024 và các năm tiếp theo	Hiệu trưởng	- Tiếp tục phối hợp với các tổ chức tổ chức, đoàn thể tại địa phương để nhận được ý kiến rộng rãi về giải pháp thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường một cách hiệu quả. - Tuyên truyền, cử giáo viên tham gia tích cực các hoạt động của đoàn thể, xã hội địa phương: Hội phụ nữ, MTTQ.
- Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống và lịch sử địa phương.		- Phó Hiệu trưởng - Tổ trưởng chuyên môn - Đội Thiếu niên - Chi đoàn giáo viên.	- Tổ chuyên môn tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc giáo dục đạo đức, truyền thống cách mạng cho học sinh thông qua các tiết học chính khoá, hoạt động ngoại khoá và các tiết dạy lịch sử địa phương của học sinh khối 4; 5. - Phối hợp với Đoàn Thanh niên phường, hội Cựu Chiến binh để tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống văn hoá lịch sử của dân tộc, địa phương, giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn, ... cho học sinh.

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến chất lượng
- Tình trạng ùn tắc giao thông trước cổng trường	Tháng 9/2024 và các năm tiếp theo	- BGH - TPT - BV	- Tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, công an phường và địa phương hỗ trợ việc đi lại đưa đón con của phụ huynh trước cổng trường. - Nhà trường phân luồng giao thông, quy định giờ tan học cho các khối lớp để tránh ách tắc ngoài cổng trường.

*** Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

- Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến
- Phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được trong công tác xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo Chương trình và mục tiêu giáo dục được quy định.	Tháng 8/2024 và những năm học tiếp theo	- BGH - TTCM	- Bám sát các văn bản của các cấp có thẩm quyền để xây dựng kế hoạch giáo dục. - Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch giáo dục.
- Điều chỉnh nội dung giáo dục Lịch sử địa phương.		- BGH - TTCM - CMHS	- Các tổ nhóm chuyên môn phối hợp với BGH đề xuất giải pháp dạy theo chủ đề hay dạy tại di tích địa phương.

**- Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học
Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp khắc phục
<ul style="list-style-type: none"> - Phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được trong công tác tổ chức thực hiện Chương trình GDPT. - Tiếp tục đánh giá, rà soát, tìm các biện pháp phù hợp để nâng cao chất lượng dạy học của GV, học sinh. 	<p>Tháng 8/2024 và các năm tiếp theo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - BGH - TTCM - GVCN 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT hiện hành và Chương trình GDPT 2018 đối với 5 khối lớp. - Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng giảng dạy theo Chương trình GDPT 2018, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học.

**- Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác
Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến
<ul style="list-style-type: none"> - Phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được trong công tác tổ chức thực hiện các hoạt động Giáo dục khác. - Tăng cường tổ chức các hoạt động tập thể 	<p>Năm học 2023 -2024 và các năm tiếp theo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - BGH - TPT Đội -Trưởng các đoàn thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học, phối hợp với các bộ phận trong nhà trường và các tổ chức xã hội để xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục khác một cách cụ thể, chi tiết. - Xây dựng kế hoạch, chương trình chia sẻ theo khối để tổ chức các hoạt động tập thể để học sinh toàn trường được tham gia.
<ul style="list-style-type: none"> - Rèn sự tự tin, mạnh dạn cho học sinh khi tham gia các hoạt động tập thể. 		<ul style="list-style-type: none"> - BGH - TPT Đội - GVCN 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường thêm các buổi sinh hoạt tập thể. - Tổ chức các hình thức hoạt động phong phú hơn nhằm thu hút sự tham gia của tất cả học sinh. - Tăng cường sự phối hợp, trao đổi giữa TPT Đội, GVCN và PH để có nhiều biện pháp động viên những học sinh còn nhút nhát.

- Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Biện pháp cải tiến
<ul style="list-style-type: none">- Phát huy những điểm mạnh đã đạt được trong công tác Phổ cập GDTH.- Thực hiện tốt công tác điều tra và huy động trẻ trong độ tuổi đi học- Tiếp tục tổ chức và thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường".- Duy trì sĩ số học sinh.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	BGH	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện tốt Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về PCGD-XMC.- Phối hợp với UBND phường, Chi bộ cụm dân cư để điều tra, tuyên truyền về tuyển sinh đầu cấp.- Nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường trong mọi mặt, tạo niềm tin cho CMHS .- Tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp, tạo hứng thú cho học sinh mỗi ngày đến trường.
<ul style="list-style-type: none">- Cập nhật dữ liệu phổ cập đúng tiến độ.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	BGH	<ul style="list-style-type: none">- Phân công cụ thể cán bộ và nhân viên thực hiện công tác phổ cập trong nhà trường, xây dựng lịch thực hiện cập nhật dữ liệu phổ cập bám sát kế hoạch công tác phổ cập của UBND quận Tây Hồ.

2. Kết quả: Đạt mức 2

3. Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật.

Kế hoạch tuyển sinh: Nhà trường xây dựng kế hoạch số 16/KH-THCVAA ngày 17/4/2023 của trường Tiểu học Chu Văn An A về tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2023 - 2024. Kết quả Tuyển sinh lớp 1: Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh 05 lớp với tổng số học sinh là: $195/195=100\%$ trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

Thống kê từng khối

Khối	Số lớp	Số HS	Số HS/lớp	Nữ	Dân tộc (HS nước ngoài)	Diện CS	K.tật	Ghi chú
1.	5	198	41	78	2	2	0	
2.	4	165	43	82	1	0	0	
3.	4	182	49	96	1	4	0	
4.	4	198	44	119	2	2	0	
5.	5	220	49	103	0	3	0	
Tổng	22	963	45	478	6	11	0	

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ ngày: 963 học sinh (đạt 100%)

- Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Thời điểm	Khối	Sĩ số	Chuyển đến	Chuyển đi
Đầu năm	1	197	2	
	2	166	1	3
	3	182	14	9
	4	201	11	9
	5	221	9	5
Tổng số		967	37	23
Cuối năm	1	199	2	
	2	164	1	2
	3	182		1
	4	198	1	2
	5	220		1
Tổng số		963	4	6

2. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- Kết quả giáo dục học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023- 2024

STT	Khối / Lớp	Sĩ số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
			Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
1	Tổng Số	743	269	15	458	1
2	Khối 1	199	72		127	
3	1A	45	20		25	
4	1B	38	13		25	
5	1C	39	14		25	
6	1D	43	14		29	
7	1E	34	11		23	
8	Khối 2	164	61	1	102	
9	2A	44	18		26	
10	2B	37	12		25	
11	2C	38	13		25	
12	2D	45	18	1	26	
13	Khối 3	182	67	6	108	1
14	3A	48	18	4	26	
15	3B	41	13		28	
16	3C	50	23		27	
17	3D	43	13	2	27	1
18	Khối 4	198	69	8	121	
19	4A	47	17	3	27	
20	4B	48	16	1	31	
21	4C	52	22	4	26	
22	4D	51	14		37	

- Kết quả đánh giá năng lực chung của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 cuối năm học 2023-2024

*** Lớp 1, 2, 3 và 4.**

STT	Lớp	Số	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						Giải quyết vấn đề và sáng tạo					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	1A	45	41	91,1	4	8,9			43	95,6	2	4,4			32	71,1	13	28,9		
2	1B	38	20	52,6	18	47,4			24	63,2	14	36,8			22	57,9	16	42,1		
3	1C	39	31	79,5	8	20,5			28	71,8	11	28,2			22	56,4	17	43,6		
4	1D	43	32	74,4	11	25,6			34	79,1	9	20,9			26	60,5	17	39,5		
5	1E	34	23	67,6	11	32,4			23	67,6	11	32,4			19	55,9	15	44,1		
6	Tổng khối 01	199	147	73,9	52	26,1			152	76,4	47	23,6			121	60,8	78	39,2		
7	2A	44	40	90,9	4	9,1			39	88,6	5	11,4			27	61,4	17	38,6		
8	2B	37	22	59,5	15	40,5			22	59,5	15	40,5			17	45,9	20	54,1		
9	2C	38	31	81,6	7	18,4			30	78,9	8	21,1			25	65,8	13	34,2		
10	2D	45	44	97,8	1	2,2			38	84,4	7	15,6			29	64,4	16	35,6		
11	Tổng khối 02	164	137	83,5	27	16,5			129	78,7	35	21,3			98	59,8	66	40,2		
12	3A	48	36	75	12	25			39	81,3	9	18,8			31	64,6	17	35,4		
13	3B	41	33	80,5	8	19,5			38	92,7	3	7,3			19	46,3	22	53,7		
14	3C	50	32	64	18	36			37	74	13	26			38	76	12	24		
15	3D	43	39	90,7	4	9,3			27	62,8	16	37,2			36	83,7	7	16,3		
16	Tổng khối 03	182	140	76,9	42	23,1			141	77,5	41	22,5			124	68,1	58	31,9		
17	4A	47	32	68,1	15	31,9			36	76,6	11	23,4			26	55,3	21	44,7		
18	4B	48	35	72,9	13	27,1			37	77,1	11	22,9			37	77,1	11	22,9		
19	4C	52	40	76,9	12	23,1			45	86,5	7	13,5			31	59,6	21	40,4		
20	4D	51	35	68,6	16	31,4			34	66,7	17	33,3			27	52,9	24	47,1		
21	Tổng khối 04	198	142	71,7	56	28,3			152	76,8	46	23,2			121	61,1	77	38,9		
22	Tổng	743	566	76,2	177	23,8			574	77,3	169	22,7			464	62,4	279	37,6		

*** Lớp 5.**

STT	Lớp	Số	Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học và giải quyết vấn đề					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	5A	44	33	75	11	25			39	88,6	5	11,4			32	72,7	12	27,3		
2	5B	48	37	77,1	11	22,9			37	77,1	11	22,9			41	85,4	7	14,6		
3	5C	43	33	76,7	10	23,3			32	74,4	11	25,6			35	81,4	8	18,6		
4	5D	38	29	76,3	9	23,7			29	76,3	9	23,7			29	76,3	9	23,7		
5	5E	47	43	91,5	4	8,5			42	89,4	5	10,6			38	80,9	9	19,1		
6	Tổng khối 05	220	175	79,5	45	20,5			179	81,4	41	18,6			175	79,5	45	20,5		
7	Tổng	220	175	79,5	45	20,5			179	81,4	41	18,6			175	79,5	45	20,5		

- Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024

*** Khối 1:**

STT	Lớp	Số	Ngôn ngữ						Tinh toán						Khoa học						Thẩm mỹ						Thể chất					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL		
1	1A	45	44	97,8	1	2,2			42	93,3	3	6,7			44	97,8	1	2,2			45	100										
2	1B	38	27	71,1	11	28,9			27	71,1	11	28,9			22	57,9	16	42,1			28	73,7	10	26,3			35	92,1	3	7,9		
3	1C	39	29	74,4	10	25,6			37	94,9	2	5,1			35	89,7	4	10,3			22	56,4	17	43,6			27	69,2	12	30,8		
4	1D	43	37	86	6	14			39	90,7	4	9,3			30	69,8	13	30,2			27	62,8	16	37,2			19	44,2	24	55,8		
5	1E	34	26	76,5	8	23,5			30	88,2	4	11,8			29	85,3	5	14,7			28	82,4	6	17,6			30	88,2	4	11,8		
6	Tổng khối 01	199	163	81,9	36	18,1			175	87,9	24	12,1			160	80,4	39	19,6			149	74,9	50	25,1			156	78,4	43	21,6		
7	Tổng	199	163	81,9	36	18,1			175	87,9	24	12,1			160	80,4	39	19,6			149	74,9	50	25,1			156	78,4	43	21,6		

*** Khối 2:**

STT	Lớp	Số	Ngôn ngữ						Tinh toán						Khoa học						Thần mĩ						Thể chất					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	2A	44	40	90,9	4	9,1			33	75	11	25			39	88,6	5	11,4			36	81,8	8	18,2			37	84,1	7	15,9		
2	2B	37	26	70,3	11	29,7			22	59,5	15	40,5			24	64,9	13	35,1			28	75,7	9	24,3			33	89,2	4	10,8		
3	2C	38	30	78,9	8	21,1			27	71,1	11	28,9			24	63,2	14	36,8			27	71,1	11	28,9			35	92,1	3	7,9		
4	2D	45	45	100					41	91,1	4	8,9			45	100					30	66,7	15	33,3			41	91,1	4	8,9		
5	Tổng khối 02	164	141	86	23	14			123	75	41	25			132	80,5	32	19,5			121	73,8	43	26,2			146	89	18	11		
6	Tổng	164	141	86	23	14			123	75	41	25			132	80,5	32	19,5			121	73,8	43	26,2			146	89	18	11		

*** Khối 3:**

STT	Lớp	Số	Ngôn ngữ						Tinh toán						Khoa học						Công nghệ						Tin học						Thần mĩ						Thể chất					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng							
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL								
1	3A	48	35	72,9	13	27,1			33	68,8	15	31,2			34	70,8	14	29,2			32	66,7	16	33,3			31	64,6	17	35,4			41	85,4	7	14,6								
2	3B	41	36	87,8	5	12,2			35	85,4	6	14,6			39	95,1	2	4,9			28	68,3	13	31,7			26	63,4	15	36,6			38	92,7	3	7,3								
3	3C	50	47	94	3	6			36	72	14	28			37	74	13	26			50	100					42	84	8	16			50	100										
4	3D	43	32	74,4	10	23,3	1	2,3	39	90,7	3	7	1	2,3	40	93	2	4,7	1	2,3	27	62,8	15	34,9	1	2,3	26	60,5	16	37,2	1	2,3	32	74,4	10	23,3								
5	Tổng khối 03	182	150	82,4	31	17	1	0,5	150	82,4	31	17	1	0,5	152	83,5	29	15,9	1	0,5	144	79,1	37	20,3	1	0,5	131	72	50	27,5	1	0,5	157	86,3	24	13,2								
6	Tổng	182	150	82,4	31	17	1	0,5	150	82,4	31	17	1	0,5	152	83,5	29	15,9	1	0,5	144	79,1	37	20,3	1	0,5	131	72	50	27,5	1	0,5	157	86,3	24	13,2								

*** Khối 4:**

STT	Lớp	Số	Ngôn ngữ						Tinh toán						Khoa học						Công nghệ						Tin học						Thần mĩ						Thể chất					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng							
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL								
1	4A	47	30	63,8	17	36,2			33	68,1	15	31,9			34	72,3	13	27,7			33	70,2	14	29,8			32	68,1	15	31,9			31	66	16	34								
2	4B	48	26	54,2	22	45,8			31	64,6	17	35,4			36	75	12	25			44	91,7	4	8,3			32	66,7	16	33,3			29	60,4	19	39,6								
3	4C	52	38	73,1	14	26,9			40	76,9	12	23,1			43	82,7	9	17,3			43	82,7	9	17,3			38	73,1	14	26,9			34	65,2	16	30,8								
4	4D	51	27	52,9	24	47,1			22	43,1	29	56,9			39	76,5	12	23,5			51	100					30	58,8	21	41,2			34	66,7	17	33,3								
5	Tổng khối 04	198	121	61,1	77	38,9			125	63,1	73	36,9			152	76,8	46	23,2			171	86,4	27	13,6			132	66,7	66	33,3			130	65,7	68	34,3								
6	Tổng	198	121	61,1	77	38,9			125	63,1	73	36,9			152	76,8	46	23,2			171	86,4	27	13,6			132	66,7	66	33,3			130	65,7	68	34,3								

- Kết quả đánh giá phẩm chất chủ yếu học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024

STT	Lớp	Số	Yêu nước						Nhân ái						Chăm chỉ						Trung thực						Trách nhiệm						
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
1	1A	45	45	100,0					45	100,0				40	88,9	5	11,1			45	100,0				45	100,0				45	100,0		
2	1B	38	38	100,0					31	81,6	7	18,4			21	55,3	17	44,7			28	73,7	10	26,3			21	55,3	17	44,7			
3	1C	39	39	100,0					39	100,0					33	84,6	6	15,4			33	84,6	6	15,4			28	71,8	11	28,2			
4	1D	43	43	100,0					41	95,3	2	4,7			35	81,4	8	18,6			43	100,0					35	81,4	8	18,6			
5	1E	34	34	100,0					34	100,0					22	64,7	12	35,3			28	82,4	6	17,6			23	67,6	11	32,4			
6	Tổng khối 01	199	199	100,0					190	95,5	9	4,5			151	75,9	48	24,1			177	88,9	22	11,1			152	76,4	47	23,6			
7	2A	44	44	100,0					44	100,0					39	88,6	5	11,4			41	93,2	3	6,8			40	90,9	4	9,1			
8	2B	37	35	94,6	2	5,4			33	89,2	4	10,8			29	78,4	8	21,6			37	100,0					27	73,0	10	27,0			
9	2C	38	33	86,8	5	13,2			37	97,4	1	2,6			30	78,9	8	21,1			35	92,1	3	7,9			35	92,1	3	7,9			
10	2D	45	45	100,0					39	86,7	6	13,3			38	84,4	7	15,6			45	100,0					41	91,1	4	8,9			
11	Tổng khối 02	164	157	95,7	7	4,3			153	93,3	11	6,7			136	82,9	28	17,1			158	96,3	6	3,7			143	87,2	21	12,8			
12	3A	48	48	100,0					48	100,0					44	91,7	4	8,3			48	100,0					47	97,9	1	2,1			
13	3B	41	37	90,2	4	9,8			29	70,7	12	29,3			23	56,1	18	43,9			36	87,8	5	12,2			25	61,0	16	39,0			
14	3C	50	50	100,0					50	100,0					32	64,0	18	36,0			50	100,0					32	64,0	18	36,0			
15	3D	43	24	55,8	19	44,2			25	58,1	18	41,9			23	53,5	19	44,2	1	2,3	37	86,0	6	14,0			24	55,8	18	41,9	1	2,3	
16	Tổng khối 03	182	159	87,4	23	12,6			152	83,5	30	16,5			122	67,0	59	32,4	1	0,5	171	94,0	11	6,0			128	70,3	53	29,1	1	0,5	
17	4A	47	47	100,0					44	93,6	3	6,4			30	63,8	17	36,2			41	87,2	6	12,8			32	68,1	15	31,9			
18	4B	48	48	100,0					43	89,6	5	10,4			30	62,5	18	37,5			44	91,7	4	8,3			37	77,1	11	22,9			
19	4C	52	52	100,0					52	100,0					32	61,5	20	38,5			51	98,1	1	1,									

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

STT	Khối	Lớp	Tổng số học sinh	Hoàn thành chương trình lớp học		Lên lớp		Gửi hiệu trưởng cho lên lớp		Kiểm tra lại, rèn luyện lại HK trong hè		Lưu ban	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Khối 1	1A	45	45	100.0	45	100.0						
2	Khối 1	1B	38	38	100.0	38	100.0						
3	Khối 1	1C	39	39	100.0	39	100.0						
4	Khối 1	1D	43	43	100.0	43	100.0						
5	Khối 1	1E	34	34	100.0	34	100.0						
6		Tổng khối 01	199	199	100.0	199	100.0						
7	Khối 2	2A	44	44	100.0	44	100.0						
8	Khối 2	2B	37	37	100.0	37	100.0						
9	Khối 2	2C	38	38	100.0	38	100.0						
10	Khối 2	2D	45	45	100.0	45	100.0						
11		Tổng khối 02	164	164	100.0	164	100.0						
12	Khối 3	3A	48	48	100.0	48	100.0						
13	Khối 3	3B	41	41	100.0	41	100.0						
14	Khối 3	3C	50	50	100.0	50	100.0						
15	Khối 3	3D	43	42	97.7	42	97.7					1	2.3
16		Tổng khối 03	182	181	99.5	181	99.5					1	0.5
17	Khối 4	4A	47	47	100.0	47	100.0						
18	Khối 4	4B	48	48	100.0	48	100.0						
19	Khối 4	4C	52	52	100.0	52	100.0						
20	Khối 4	4D	51	51	100.0	51	100.0						
21		Tổng khối 04	198	198	100.0	198	100.0						
22	Khối 5	5A	44	44	100.0	44	100.0						
23	Khối 5	5B	48	48	100.0	48	100.0						
24	Khối 5	5C	43	43	100.0	43	100.0						
25	Khối 5	5D	38	38	100.0	38	100.0						
26	Khối 5	5E	47	47	100.0	47	100.0						
27		Tổng khối 05	220	220	100.0	220	100.0						
28		TỔNG SỐ	963	962	99.9	962	99.9					1	0.1

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học: $220/220=100\%$

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023: Căn cứ kế hoạch dự thu - chi năm học 2023-2024

TT		Giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung	Tổng dự toán
I	NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			0
1	Nguồn tự chủ			0
2	Nguồn không tự chủ (12)			0
3	Nguồn không tự chủ (14)			0
II	DỰ TOÁN CẤP NĂM 2023	5.138.000.000	375.550.000	5.513.550.000
1	Nguồn tự chủ	5.138.000.000	8.550.000	5.146.550.000
1.1	Lương và các khoản theo lương	3.650.000.000		3.650.000.000
1.2	Chi Hoạt động	1.488.000.000	8.550.000	1.496.550.000
2	Nguồn không tự chủ	0	367.000.000	367.000.000
2.1	Nguồn không tự chủ (14)	0	322.000.000	322.000.000
2.2	Nguồn không tự chủ (15)	0	45.000.000	45.000.000
	<i>Chi lương HĐND 111/2022</i>			0
				0
3	Nguồn tiết kiệm			0
III	DỰ TOÁN ĐƯỢC SỬ DỤNG 2023	0	0	5.513.550.000
1	Nguồn tự chủ	0	0	5.146.550.000
1.1	Lương và các khoản theo lương			3.650.000.000
1.2	Hoạt động			1.496.550.000
2	Nguồn không tự chủ	0	0	367.000.000
2.1	Nguồn không tự chủ (14)			322.000.000
2.2	Nguồn không tự chủ (15)	0		45.000.000
	<i>Chi lương HĐND 111/2022</i>			
3	Nguồn tiết kiệm			0
IV	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG			5.512.757.300
1	Nguồn tự chủ	0		5.146.550.000
	<i>Chi lương và các khoản theo lương</i>			3.609.587.266
	Tiền lương			2.027.692.054
	Phụ cấp lương			1.013.271.084
	Các khoản đóng góp			568.624.128
	<i>Chi hoạt động</i>	0		1.536.962.734
	Tiền công trả cho vị trí lao động TX theo HĐ			88.100.094
	Phụ cấp làm thêm giờ			161.525.900
	Phúc lợi tập thể			41.920.000
	Thanh toán dịch vụ công cộng			217.638.129
	Vật tư văn phòng			101.882.400
	Thông tin, tuyên truyền liên lạc			13.550.000
	Công tác phí			30.000.000
	Chi thuê mướn			457.411.600

	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ CM			29.656.400
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác CM			0
	Chi phí nghiệp vụ CM (hàng hóa, vật tư,...)			358.918.411
	Mua sắm, bảo trì phần mềm (TSVH)			19.000.000
	Khác			17.359.800
	<i>Tiết kiệm chi hoạt động</i>			-40.412.734
	<i>Tiết kiệm tiền lương</i>			40.412.734
	Bổ sung các quỹ			0
	Chi lập quỹ bổ sung thu nhập			0
	Quỹ phúc lợi			0
	Quỹ khen thưởng			0
	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			0
2	Nguồn không tự chủ			366.207.300
	Nguồn không tự chủ (14)			322.000.000
	<i>Chi cải cách tiền lương</i>			
	Nguồn không tự chủ (15)			44.207.300
	<i>Chi lương HĐND 111/2022</i>			
3	Nguồn tiết kiệm			0
V	DỰ TOÁN CÒN LẠI BỊ HỦY			792.700
1	Nguồn tự chủ			0
2	Nguồn không tự chủ			792.700
2.1	Nguồn không tự chủ (14)			0
2.2	Nguồn không tự chủ (15)			792.700
3	Nguồn tiết kiệm			0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Dạy chương trình Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem và tham gia ngày hội Stem cấp Quận và có sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp Thành phố.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm học 2023-2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Chu Văn An A./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT quận; (để b/c)
- Website trường; (để công khai)
- Lưu: VT.

